

# 生词 (vocabularies)

喜欢 (xǐ huān) like

动物 (dòng wù) animal

什么 (shén me) ?

这是 (zhè shì) this is

那是 (nà shì) that is

Rat

Ox (cow)

Tiger

Rabbit

Dragon

Snake

shǔ

niú

hǔ

tù

lóng

shé

鼠

牛

虎

兔

龙

蛇



mǎ

yáng

hóu

jī

gǒu

zhū

马

羊

猴

鸡

狗

猪



www.guoyi360.com

Horse

Sheep

Monkey

Rooster  
Chicken

Dog

Pig

你喜欢什么动物？

nǐ xǐ huan shén me dòng wù ?

我喜欢兔子。

wǒ xǐ huān tù zi 。

这是什么动物？

zhè shì shén me dòng wù ?

这是马。

zhè shì mǎ 。